

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 -9-2021

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Đức

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Hoàng Long – Thư ký Tòa án.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 227/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 46C/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 06D, ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin vắng mặt).

** Bị đơn:* Anh C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2021, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị L trình bày:

Chị và anh C tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 27/01/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan

điểm trong cuộc sống và cả 02 đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy hôn nhân giữa chị và anh C không còn hạnh phúc, chị không thể tiếp tục chung sống với anh C nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Trong quá trình tố tụng vụ án, bị đơn anh C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L và không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo quy định pháp luật vào ngày 27/01/2016. Do đó, hôn nhân của chị L và anh C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn. Tuy anh C không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L, nhưng HĐXX xét thấy: Anh C biết được yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L và đã nhận được Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay anh C vẫn không có hành động thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất để trả tự do cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị L phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị L ly hôn với anh C.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

3. Về án phí: Chị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0000476 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

4. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng